

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Số: 02/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TST**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST);
- Căn cứ Biên bản phiên họp HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông ngày 10 tháng 04 năm 2019.

**QUYẾT NGHỊ:**

**1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2018 với các nội dung sau:**

**1.1 Kết quả SXKD năm 2018:**

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu	143.665.454	125.041.673	87,04%
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.045.000	2.625.251	64,90%
Lợi nhuận sau thuế của TST	1.795.273	1.589.759	88,55%
Nộp NSNN	8.000.000	5.000.000	62,50%
Số lượng lao động	152	138	90,79%

**1.2 Kết quả đầu tư năm 2018:**

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên thiết bị	Kế hoạch 2018 ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực hiện 2018	Ghi chú
1	Thiết bị đo	1.500.300	148.200	
2	Thiết bị văn phòng	118.000	19.899	
	<b>Cộng</b>	<b>1.618.300</b>	<b>168.099</b>	

**1.3 Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018:**

Đơn vị: 1000 đồng



NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.100.158</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (dự tính )	200.158
Chi trả cổ tức (dự tính 1.5%)	720.000
Chi trả thù lao HĐQT và BKS (dự tính)	180.000
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

## 2. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019 với các nội dung sau:

### 2.1. Kế hoạch SXKD năm 2019:

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ
Doanh thu của Công ty TST	113.058.084	152.765.454	135,12%
Lợi nhuận sau thuế của TST	1.589.759	1.781.272	112,05%
Tổng Doanh thu	125.041.673	172.765.454	138,16%
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.625.251	3.081.272	117,37%
Nộp NSNN	5.000.000	5.000.000	100%
Số lượng lao động	138	212	153,62%

### 2.2 Kế hoạch đầu tư năm 2019:

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Thiết bị	Kế hoạch 2019	Ghi chú
1	Thiết bị đo	3.960.800	
2	Thiết bị văn phòng	496.500	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.457.300</b>	

### 2.3 Kế hoạch Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.781.272</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (dự tính)	401.272
Chi trả cổ tức (dự tính 2%)	960.000
Chi trả thù lao HĐQT và BKS (dự tính)	420.000
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

Thù lao HĐQT và BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% thù lao theo mức hoàn thành kế hoạch. Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch.

**3. Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2018** (Báo cáo Ban kiểm soát và Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán kèm theo).

**4. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019:**

Lựa chọn Công ty Kiểm toán A&C là đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

**5. Thông qua lộ trình thành lập công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu** (phù hợp Nghị định 39/2018/NĐ-CP và nghị định số 63/2014/NĐ-CP) và báo cáo ĐHCĐ nội dung ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thành lập công ty TNHH MTV.

**6. Thông qua nội dung Báo cáo ĐHCĐ nội dung ủy quyền cho HĐQT thực hiện tái cấu trúc Công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ.**

**7. Thống nhất thông qua các nội dung khác :**

**7.1 Thanh lý xe ô tô BKS:29X-6917.**

**7.2 Thanh lý CSHT 10 trạm BTS tại Quảng Nam và 05 trạm BTS tại Đắk Lắk.**

**7.3 Ban hành Định mức chi phí, Lợi nhuận trên Doanh thu áp dụng từ ngày 01/01/2019 với nội dung sau:**

TT	Tên dịch vụ	Chi phí đơn vị thành viên			Nộp về công ty	Lương	CP chung	Lợi nhuận
		Tổng	Giá vốn và quản lý	Lương				
1	Thương mại	91%	90%	1%	9%	3.5%	4%	1.5%
2	Bảo dưỡng	82%	65%	17%	18%	6%	4%	8%
3	Sửa chữa, ứng cứu	90%	75%	15%	10%	3%	4%	3%
4	Đo kiểm	90%	75%	15%	10%	3%	4%	3%
5	Vật tư thay thế	92%	85%	7%	8%	1%	4%	3%
6	Xây lắp	93%	85%	8%	7%	1%	4%	2%
7	Lắp đặt	90%	75%	15%	10%	3%	4%	3%

TT	Tên dịch vụ	Chi phí đơn vị thành viên			Nộp về công ty	Lương	CP chung	Lợi nhuận
		Tổng	Giá vốn và quản lý	Lương				
8	Tối ưu hóa	87%	70%	17%	13%	6%	4%	3%
9	Tư vấn thiết kế	90%	75%	15%	10%	3%	4%	3%
10	Cho thuê TB nhà trạm	36%	31%	5%	64%	40%	4%	20%
11	Cho thuê tài sản: Cho thuê văn phòng, xe ô tô					60%	4%	36%
12	Dịch vụ khác	89%	84%	5%	11%	5%	4%	2%

**7.4 Ban hành Định mức nhiên liệu cho xe ô tô trong Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2019 với nội dung sau:**

TT	Loại xe ô tô Công ty đang sử dụng	Dung tích xi lanh cm <sup>3</sup> (nhiên liệu)	Mức tiêu hao (Lít/100km)		
			Xe sử dụng <5 năm hoặc dưới 100.000 km	5 năm ≤ xe sd ≤ 10 năm hoặc 100.000km ≤ xe sd ≤ 200.000 km	Xe sử dụng >10 năm hoặc >200.000km
1	MERCEDES E200	1.991 (xăng)	11L	13L	15L
2	MAZDA CX9	3.726 (xăng)	17L	19L	20L
3	MITSUBISHI PAJERO SPORT	2.998 (Xăng)	16L	17L	19L
4	FORD RANGE XLT	2.499 (Diezen)	13L	14L	15L
5	FORD-EVERES	2.499 (Diezen)	10L	12L	14L
6	INNOVA TOYOTA	1.998 (Xăng)	11L	13L	15L

**7.5 Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018:**

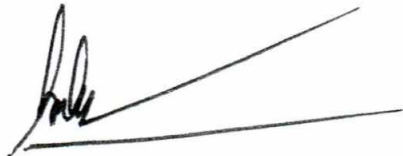
- Thời gian tổ chức: Ngày 10 tháng 5 năm 2019.
- Địa điểm: Nhà Khách Bộ quốc phòng, số 33A Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thông qua danh sách đề cử bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

Giao Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 thành công tốt đẹp.

Nghị quyết này được các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phan Sỹ Kiên**



**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đặng Đức Khôi**

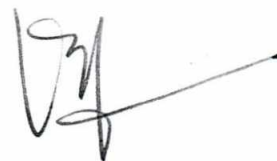
**Các ủy viên Hội đồng quản trị**



**Đặng Quang Trung**



**Nguyễn Văn Minh**



**Cao Hồng Việt**

**Nơi nhận:**

- Các thành viên HĐQT, T. Ban KS;
- TGD để t/h;
- Lưu HĐQT.

